

Bản án số: 38/2021/HS-ST

Ngày: 24-9-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Sa Rên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Ông Kiên Ngọc Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thạch Ương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cà Long, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cà Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS, ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 2000; giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp K, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên cha: không biết, họ và tên mẹ: Lê Thị D, sinh năm 1973; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án và tiền sự không; Tạm giữ và tạm giam: không.

Bị cáo Lê Văn T được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/3/2021 cho đến nay. (vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tuấn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp K, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

*Người bào chữa cho bị cáo Tuấn:* Bà Trần Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt)

*Người bị hại:* ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1988 (chết). Nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện hợp pháp của người bị hại:*

1/. Bà Trần Thị L, sinh năm 1957 (mẹ bị hại). Nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(có mặt)

2/. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957 (cha bị hại). Nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

*Người làm chứng:*

1/ Chị Lữ Thị D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp Ba Trạch B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.(có mặt)

2/Anh Đào Thanh T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp K, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

4/Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966, Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05/9/2020, sau khi đã uống rượu bia, Lê Văn T, sinh ngày 25/8/2000, nơi cư trú ấp K, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84B1-689.42 chở Nguyễn Chí T, sinh năm 1988, nơi cư trú ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh lưu thông trên đường nhựa nông thôn hướng từ ấp T đi ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, khi đến địa phận ấp T, xã H do thiếu quan sát và không làm chủ được tốc độ nên đã đụng vào hàng rào lưới B40, bê tông cốt thép bên trong lề phải hướng đi của T, tai nạn xảy ra làm Lê Văn T và Nguyễn Chí T bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh, sau đó Nguyễn Chí T tử vong, riêng Lê Văn T được chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy điều trị, đến ngày 09/9/2020 thì ra viện.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Càng Long tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi và kiểm tra nồng độ cồn của người tham gia giao thông. Theo biên bản về việc kiểm tra nồng độ cồn của Lê Văn T là 0.27miligam/1 lít khí thở, phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Chí T là 102.7584mg/100ml máu (22,3 mmol/L máu X 4.608 = 102.7584mg/100ml máu)

Tại kết luận giám định pháp y về tử thi số 364/KLGD ngày 08/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến tử vong của Nguyễn Chí T là do đa chấn thương.

Biên bản xác định khu vực đụng thể hiện: Vùng va chạm là lề đất bên trong lề phải hướng của xe mô tô do Lê Văn T điều khiển, tâm của vùng va chạm là vết trầy của xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 84B1 – 689.42 in trên tường hàng rào bên lề phải (theo hướng áp T đi áp B), vị trí này cách mặt lề đất là 0,3 mét, chiều vuông góc xuống lề đất đo đến lề phải (theo hướng áp T đi áp B) là 1,3 mét và cách trụ điện số 37 là 6,2 mét.

Bản kết luận lỗi trong vụ tai nạn giao thông của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long ngày 21/01/2021 kết luận: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông là do Lê Văn T điều khiển xe mô tô hai bánh BKS 84B1-689.42 tham gia giao thông không chú ý quan sát, vi phạm điểm e khoản 3 Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 của nước CHXHCN Việt Nam, được viện dẫn tại điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị Định 100/2019/NĐ-CP “*Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông*”. Đồng thời Lê Văn T điều khiển xe mô tô tham gia giao thông mà không có giấy phép lái xe theo quy định và có nồng độ cồn vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở (kết quả đo là 0,27miligam/1 lít khí thở) vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ nước CHXHCN Việt Nam.

Tại bản Cáo trạng số: 44/CT -VKSCL, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Lê Văn T, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn T vắng mặt nên không có lời khai.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:* Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; Điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T mức hình phạt 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục và bị cáo phải chịu hậu quả pháp lý của án treo trong thời gian thử thách. Về phân trách nhiệm dân sự do người đại diện hợp pháp cho bị hại, không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra, Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa: Vị Trợ giúp viên pháp lý thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long. Do hoàn cảnh gia đình bị

cáo thuộc diện hộ cận nghèo, có người thân tham gia cách mạng được tặng huân, huy chương kháng chiến. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo bị thương tích được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị khuyết tật nặng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình nên vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến tranh luận. Bị cáo Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận. Bị cáo Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời nói sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T, Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn N, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T, người làm chứng ông Nguyễn Văn P, anh Đào Thanh T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thống nhất với bản kết luận giám định pháp y số: 364/KLGĐ ngày 08/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; Biên bản khám nghiệm hiện trường của Công an huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh và kết quả đo nồng độ cồn trong máu qua đường khí thở của bị cáo Lê Văn T ngày 05 tháng 9 năm 2020. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T vắng mặt nên không có lời khai nhưng qua lời khai của người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người làm chứng có mặt tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a,b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì hiện nay vấn đề tai nạn giao thông đang là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương tuyên truyền phổ biến giáo dục mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông nhằm đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản cho mọi người khi tham gia giao thông, hạn chế mức thấp nhất những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản do tai nạn giao thông gây ra.

[3]. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, tình hình tai nạn giao thông hiện nay đáng lo ngại, do phần lớn ý thức chấp hành Luật giao thông của những người tham gia giao thông chưa cao, thường chủ quan, không chú ý quan sát phần đường, đi không đúng tuyến đường, phần đường quy định, chạy quá tốc độ cho phép, chưa qua quá trình học luật giao thông, chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định pháp luật hoặc có nồng độ cồn trong người vượt quá quy định...gây hoang mang lo sợ cho mọi người khi tham gia giao thông. Trong vụ án này bị cáo Lê Văn T, không chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ, tham gia giao thông khi chưa được cấp phép lái xe theo đúng qui định, điều khiển phương tiện giao thông không chú ý quan sát và điều khiển xe trong người có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, dẫn đến tai nạn xảy ra. Hậu quả làm người bị hại tên Nguyễn Chí T tử vong. Hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm e khoản 3 Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008, được viện dẫn tại điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị Định 100/2019/NĐ-CP “*Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông*”. Đồng thời, bị cáo Lê Văn T điều khiển xe mô tô tham gia giao thông mà không có giấy phép lái xe theo quy định và có nồng độ cồn vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở (kết quả đo là 0,27miligam/1 lít khí thở) vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ nước CHXHCN Việt Nam.

[4]. Để góp phần ổn định tình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm về vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo khi tai nạn xảy ra cũng bị thương tích, được chính quyền cấp có thẩm quyền xác nhận bị cáo bị khuyết tật đặc biệt nặng và hiện nay bị cáo bị liệt từ rủng đến chân nên mọi sinh hoạt cá nhân, ăn uống vệ sinh, tiểu tiện, đại tiện ...của bị cáo đều do người mẹ là bà Lê Thị D lo liệu, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có người thân là bà Tô Thị N (bà Ngoại của bị cáo) tham gia cách mạng được tặng huân, huy chương kháng chiến, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo... Đây là những căn cứ để áp dụng các

tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo Lê Văn T bị khuyết tật đặc biệt nặng, hiện tại bị cáo bị liệt từ rúng đến chân, chỉ nằm một chỗ không đi lại được, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, đã chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, không cần thiết phải bắt bị cáo Lê Văn T chấp hành án phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo, cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự cho xã hội. Do đó ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về xử lý vật chứng*: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 102093, biển số 84 B1-689.42, tên chủ sở hữu Lê Văn T; 01 (một) xe mô tô biển số 84 B1 -689.42 là của bị cáo T, nghị nên giao trả lại cho bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Do bị cáo T thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- Căn cứ Điều 268; Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 260; Điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Lê Văn T) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 (Hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Lê Văn T) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Người đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Giao trả bị cáo Lê Văn T gồm: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 102093, biển số 84 B1-689.42, tên chủ sở hữu Lê Văn T; 01 (một) xe mô tô biển số 84 B1 -689.42

**5. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn T.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho người đại diện hợp pháp của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

*(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Huỳnh Sa Rên**

